

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DS-ST

Ngày: 04-7-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Công

2. Ông Nguyễn Văn Hòa

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nhật Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa : Ông Phan Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2018/TLST-DS, ngày 19 tháng 01 năm 2018. Về Tranh chấp hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2018/TLST- DS ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1968 (có mặt)

Bị đơn: 1/ Bà Phạm Thị H, sinh năm 1972 (vắng mặt không lý do)

2/ Ông Võ Văn Q, sinh năm 1971 (vắng mặt không lý do)

Tất cả cùng địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa

hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Vào ngày 15/10/2014al bà có làm đầu thảo khai dây hội tháng 5.000.000đồng, dây hội có gồm 17 phần, bà H là hội viên tham gia 01 phần, trong danh sách hội lấy tên MH, tiền huê hồng thảo hưởng là 2.000.000đồng cho một kỳ khai hội, việc giao dịch có sổ sách ghi chép và có danh sách hội giao cho từng hội viên, nhưng có người lấy và người không lấy, dây hội này bà H đóng được 07 lần hội sống với số tiền đóng vào là 23.370.000đồng, đến lần khai thứ 08 (tháng 05/2015al) bà H kêu 1.250.000đồng, hốt được số tiền khi đã trừ thảo còn lại 66.750.000đồng, bà đã giao đủ tiền cho H nhận và bà H có ký xác nhận vào giấy tính tiền hội. Sau khi hốt hội thì bà H đóng lại được cho bà 05 lần hội chết (từ lần khai tháng 6,7,8,9,10/2015al), đến lần khai tháng 11/2015al thì bà H ngưng không đóng nữa, bà H đóng hội cho bà không làm giấy tờ gì, dây hội này tính đến mãi là tháng 02/2016al bà H còn nợ bà 04 lần hội chết là 20.000.000đồng (tức lần khai tháng 11,12/2015al và tháng 01,02/2016al).

Dây hội này bà H tham gia, chồng của bà H tên Q không có tham gia giao dịch, nhưng ông Q vẫn biết do ông Q cũng có tham gia khai hội nhưng bà không nhớ cụ thể mấy lần. Ông Q cũng thừa nhận tiền hốt hội về sử dụng gia đình.

Do hội này mãi đã lâu và việc từng lần đóng hội chết của bà H hai bên cũng không giấy tờ gì ghi chép lại, nay bà thống nhất theo ý kiến của bà H, tức là bà yêu cầu bà H và ông Q trả cho bà số tiền 15.000.000đồng nợ hội của dây hội trên.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị H trình bày: Bà thừa nhận có tham gia giao dịch dây hội tháng 5.000.000đồng khai ngày 15/10/2014al như bà C trình bày, dây hội này có tất cả 17 phần, bà tham gia 01 phần và đã kêu hốt hội vào lần khai thứ 08 (tức tháng 5/2015al), bà kêu 1.250.000đồng, số tiền hốt hội được sau khi đã trừ thảo 2.000.000đồng còn lại 66.750.000đồng, bà C đã giao đủ tiền cho bà nhận và có ký tên xác nhận vào giấy tính tiền hội. Việc giao dịch bà C có ghi danh sách hội giao cho từng hội viên, nhưng bà không nhận do bà với bà C là chỗ quen biết nhau. Sau khi hốt hội thì bà đóng hội chết cho bà C được từ lần khai tháng 6,7,8,9,10,11/2015al đến tháng 12/2015al thì ngưng không đóng nữa, do bà C bẻ hội và còn nợ tiền hội sống của bà ở các dây hội khác, mỗi lần bà đóng hội chết thì bà C có ghi vào giấy cho bà, bà C ghi (T6, T7, T8, T9, T10, T11) và việc này không ai chứng kiến nhưng bà C không thừa nhận. Nay bà C cho rằng bà còn nợ 04 lần hội chết bà không đồng ý, bà chỉ còn nợ bà C tính đến mãi hội 03 lần hội chết là 15.000.000đồng (tức lần khai tháng 12/2015al và tháng 01,02/2016al), bà đồng ý trả cho bà C 15.000.000đồng này. Dây hội này do bà trực tiếp giao dịch với bà C, ông Q chồng bà không có tham gia nhưng vẫn biết việc giao dịch hội này và tiền hội hốt được vợ chồng cùng sử dụng chung.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Văn Q trình bày: Dây hụi tháng 5.000.000đồng khai ngày 15/10/2014al do bà H trực tiếp đứng ra giao dịch với bà C, ông không tham gia giao dịch, nhưng ông cũng có biết vì bà H có nói lại cho ông nghe và tiền hốt hụi thì vẫn sử dụng chung. Nay ông đồng ý cùng bà H trả cho bà C 03 lần hụi chết 15.000.000đồng.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L trình bày quan điểm cho rằng : Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào các quy định của Luật Tố tụng Dân sự và các quy định pháp luật có liên quan. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của bà C, buộc bà H và ông Q trả cho bà C 15.000.000đồng, về án phí buộc đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp miễn nộp.

Tại phiên tòa hôm nay có mặt bà C là nguyên đơn; Bà H và ông Q là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Đương sự có mặt tại phiên tòa không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ. Bà C có yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền chênh lệch là 10.000.000đồng so với khởi kiện ban đầu. Có nghĩa là bà C yêu cầu bà H và ông Q trả 03 lần hụi chết là 15.000.000đồng nợ hụi của dây hụi tháng 5.000.000đồng khai ngày 15/10/2014al.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện L nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà H và ông Q là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà C tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền chênh lệch là 10.000.000đồng so với khởi kiện ban đầu là phù hợp khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, quyền định đoạt của đương sự được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện này.

[3] Xét thấy việc giao dịch hui giữa bà C và bà H là có thật được hai bên đương sự thừa nhận, cụ thể đây hui tháng bằng tiền 5.000.000đồng, xác lập ngày 15/10/2014al, có 17 phần, bà C là đầu thảo, còn bà H là hui viên tham gia 01 phần, hui mỗi tháng khai một lần, hình thức bỏ thăm ai kêu cao thì được hốt, giao dịch hui có sổ sách, tiền huê hồng đầu thảo hưởng cho mỗi kỳ khai hui là 2.000.000đồng, đây hui này bà H đóng được 07 lần hui sống với số tiền 23.370.000đồng, đến lần khai thứ 08 (tức tháng 5/2015al) bà H kêu 1.250.000đồng, số tiền hốt hui được sau khi đã trừ thảo 2.000.000đồng còn lại 66.750.000đồng, bà C đã giao đủ tiền cho bà H nhận và bà H có ký tên xác nhận vào giấy tính tiền hui. Việc giao dịch hui này về số tiền bà H hốt hui, số tiền bà C đã giao cho bà H, đều được bà C và bà H thừa nhận là đúng sự thật. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự tình tiết đương sự thừa nhận là tình tiết sự kiện không cần chứng minh.

Nay bà C yêu cầu bà H và ông Q trả 15.000.000đồng nợ hui chết, theo các lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án thì bà H vẫn thừa nhận nợ bà C 03 lần hui chết là 15.000.000đồng và bà đồng ý trả cho bà C 15.000.000đồng này.

Đối với ông Q là chồng của bà H, mặc dù việc giao dịch hui trên là do bà C trực tiếp đứng ra giao dịch với bà H, ông Q không tham gia giao dịch nhưng ông vẫn thừa nhận tiền hui hốt được của đây hui này vợ chồng sử dụng chung, do vậy bà C yêu cầu bà H và ông Q liên đới có nghĩa vụ trả cho bà tiền hui chết là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ trên buộc bà H và ông Q có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền 15.000.000đồng nợ hui của đây hui tháng 5.000.000đồng khai ngày 15/10/2014al là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] *Về án phí sơ thẩm:* Bà H và ông Q có nghĩa vụ chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Bà C không phải chịu án phí.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào các Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 144, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ qui định về “họ, họ, hui, biêu, phường”;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Phạm Thị H và ông Võ Văn Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền hui chết tính đến măn hui của dây hui tháng 5.000.000đồng khui ngày 15/10/2014al là 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với số tiền 10.000.000đồng chênh lệch so với đơn khởi kiện.

3/ Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị H và ông Võ Văn Q liên đới phải nộp là 750.000đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí sơ thẩm. Đối với số tiền tạm ứng án phí 625.000đồng (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2015/ 0014515 nộp ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L được hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị C.

“Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ”.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6 , 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân :

-TAND tỉnh Trà Vinh;

-VKS huyện L;

-Chi cục THADS;

-Đương sự;

-Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Thanh